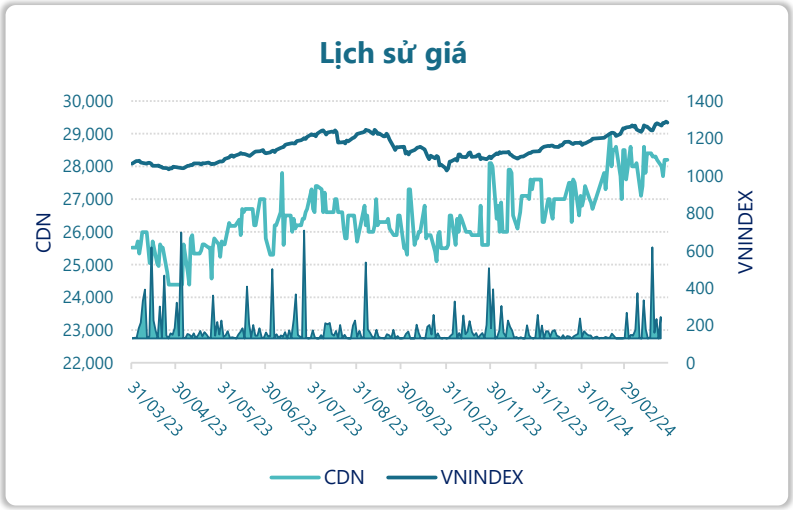
FireAnt

CTCP Cảng Đà Nẵng (HNX: CDN)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**28,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,388
SL cổ phiếu LH	99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,685
% sở hữu nước ngoài	20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,792
P/E	9.8
EPS	2,887

DT thuần

Q1/24

354

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 23.0| 6.9%

YoY: ▲ 76.0| 27.3%

LN sau thuế

Q1/24

77.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.80| 9.8%

YoY: ▲ 10.6| 16.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

29.0%

DT thuần

2023

1,235

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0| 3.3%

LN sau thuế

2023

275

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 1.3%

ROE

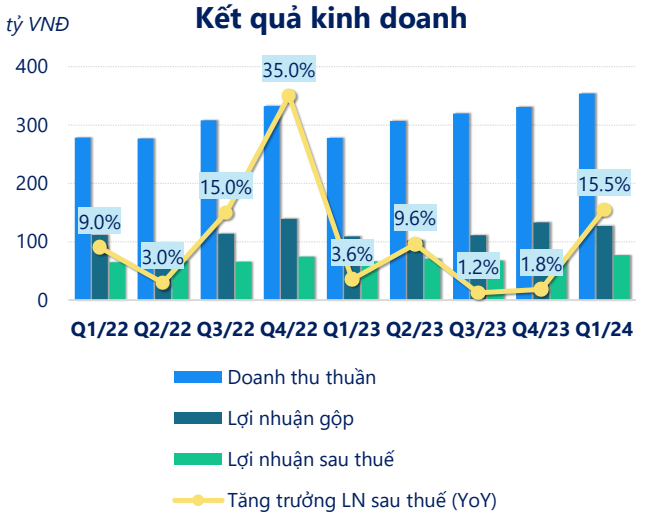
2023

16.8%

+/- YoY: ▼ 0.9%

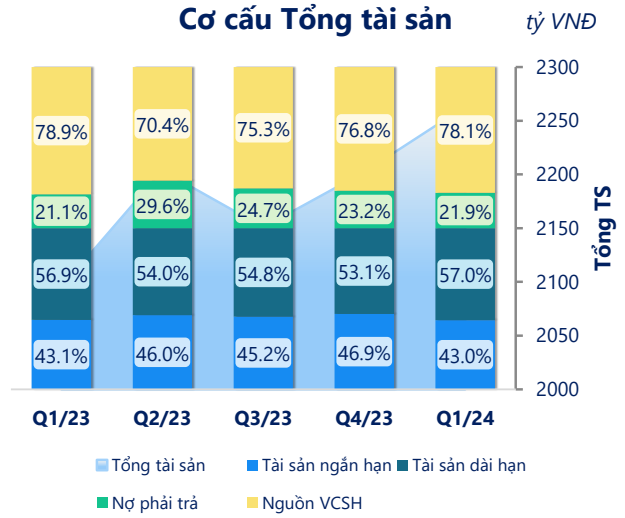
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



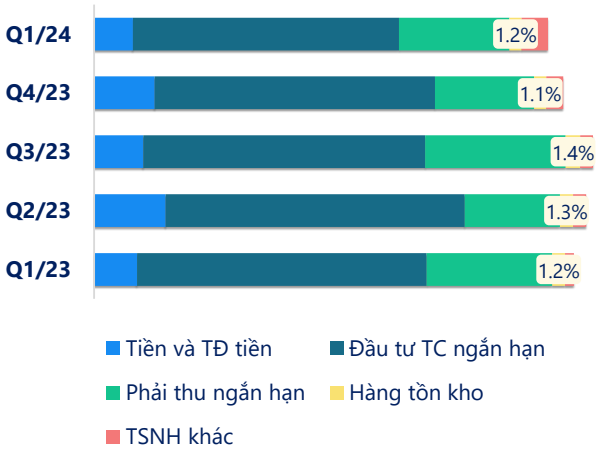
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



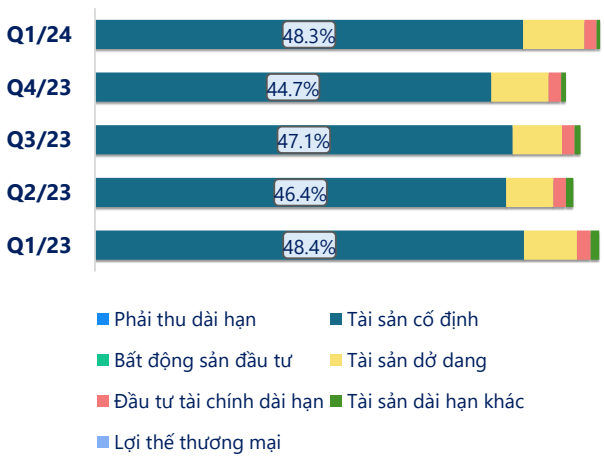
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



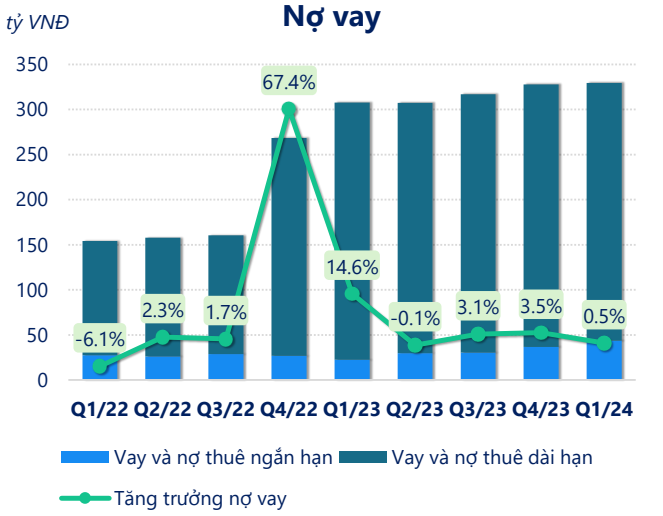
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



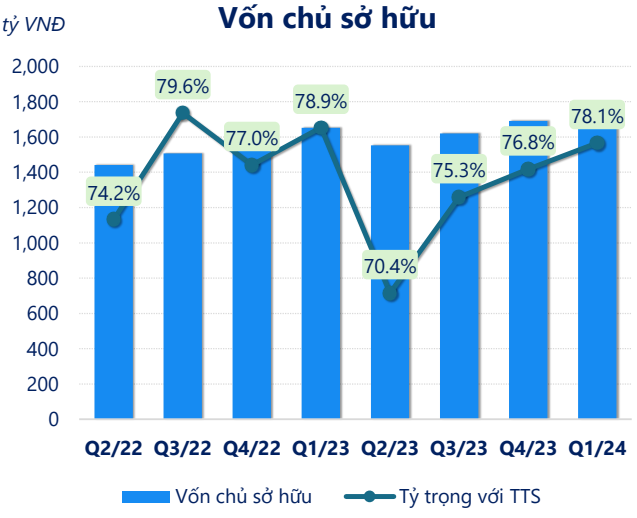
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



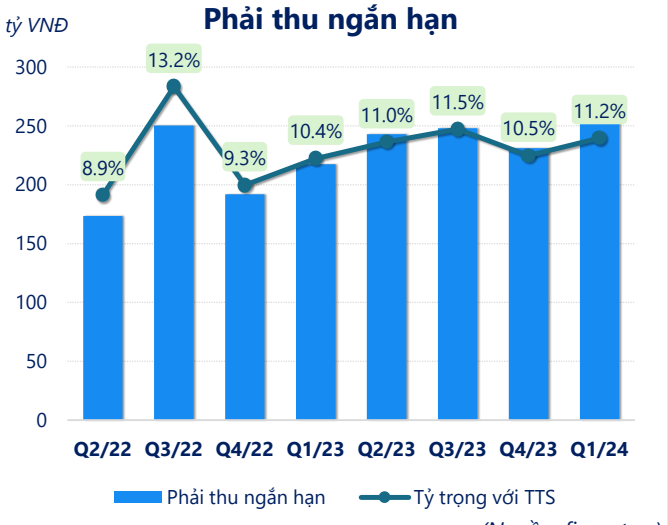
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



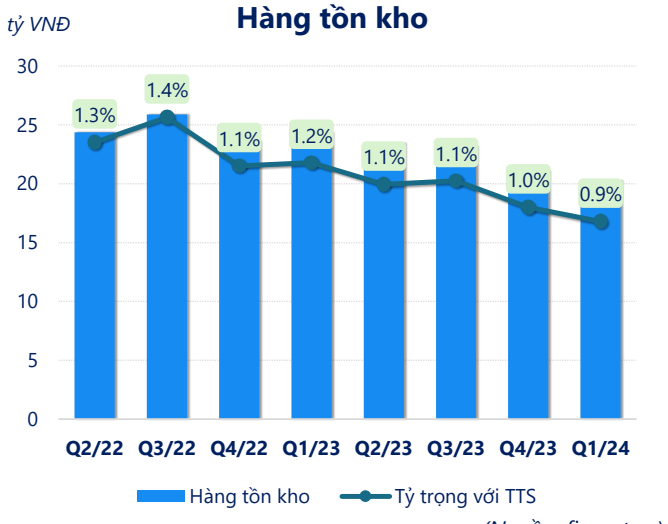
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



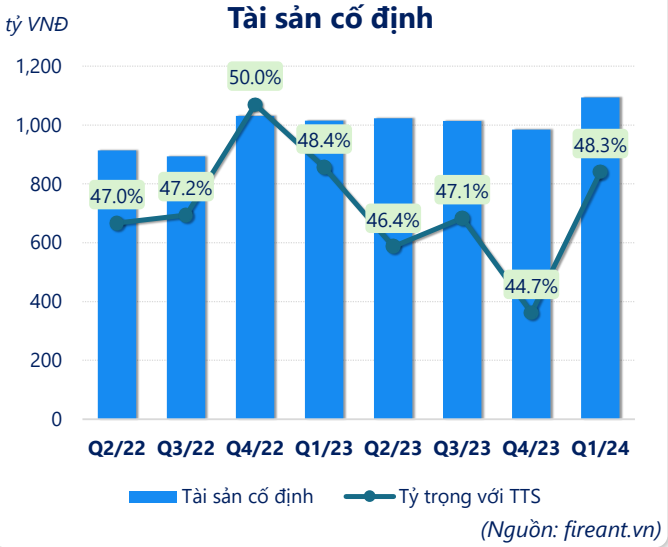
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



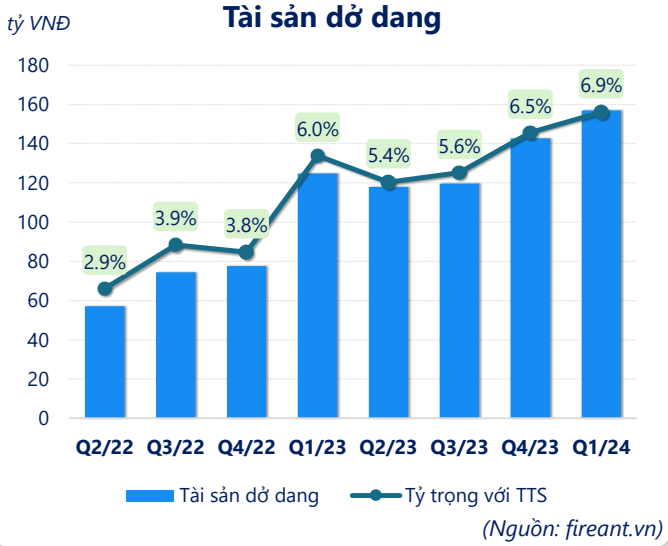
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



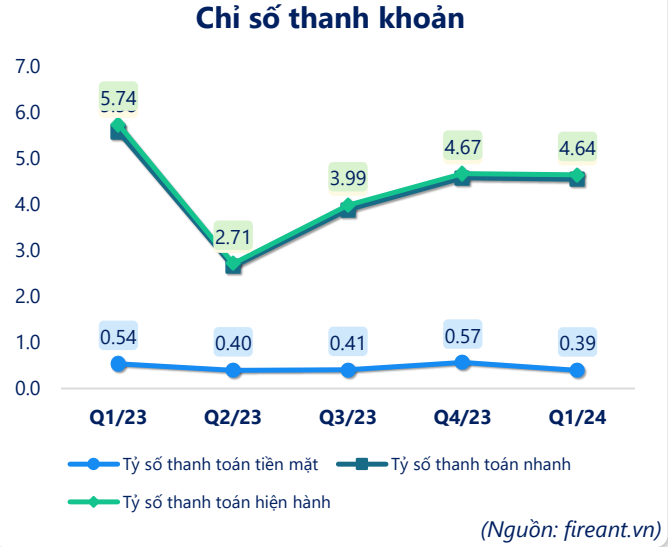
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



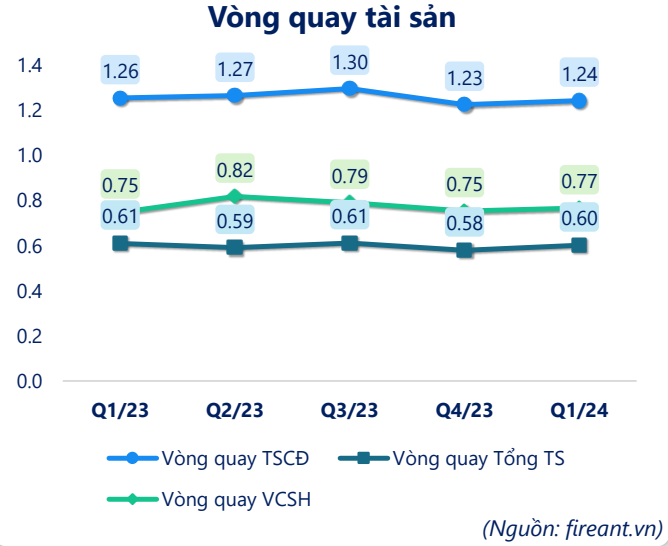
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**2,095**	**2,204**	**2,151**	**2,202**	**2,263**
Tài sản ngắn hạn	**903**	**1,014**	**972**	**1,032**	**973**
Tiền và tương đương tiền	84.7	148	99.4	125	82.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	524	539	546	606	548
Phải thu ngắn hạn	217	243	248	231	253
Hàng tồn kho	24.4	23.4	23.2	21.1	20.3
Tài sản ngắn hạn khác	52.1	60.1	55.4	48.7	68.9
Tài sản dài hạn	**1,192**	**1,190**	**1,178**	**1,171**	**1,290**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,014	1,023	1,014	985	1,093
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	125	118	120	143	157
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	30.8	30.9	30.8	30.8
Tài sản dài hạn khác	20.7	18.5	14.3	12.3	8.95
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**443**	**651**	**530**	**512**	**496**
Nợ ngắn hạn	**157**	**374**	**244**	**221**	**210**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.4	29.6	30.3	36.8	43.5
Phải trả người bán ngắn hạn	61.4	65.5	49.8	49.7	61.6
Nợ dài hạn	285	278	287	291	286
Vay và nợ thuê dài hạn	285	278	287	291	286
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,653**	**1,552**	**1,620**	**1,690**	**1,768**
Vốn chủ sở hữu	**1,653**	**1,552**	**1,620**	**1,690**	**1,768**
Vốn điều lệ	990	990	990	990	990
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)